TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀNG ĐỊNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2024/HS-ST
Ngày 16-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Viết Tiến;

Bà Lương Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hữu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Đức Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai lưu động vụ án hình sự thụ lý số: 51/2024/TLST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Nông Văn G, tên gọi khác: Không; sinh ngày 21 tháng 7 năm 1988 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn lớp 8/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn T (đã chết) và bà Chu Thị L; vợ: Triệu Thị L1 (đã ly hôn năm 2022), con: có 01 con sinh năm 2016; tiền án: Không; tiền sự: 01 tiền sự, ngày 13/4/2024, Nông Văn G có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định số 71 ngày 29/5/2024 bằng hình thức cảnh cáo, tính đến ngày thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, Nông Văn G chưa đủ thời hạn để được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính đối với Quyết định này; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự; tháng 8 năm 2021, Nông Văn G có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định số 158 ngày 28/10/2021 bằng hình thức cảnh cáo, tính đến nay đã đủ thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 01/7/2024 đến nay, có mặt.

- *Bị hại:* Chị Đàm Thị T1, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Trần Văn G1, sinh năm 1978; địa chỉ: trú tại Tổ dân phố H, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng, vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Bùi Xuân H, sinh năm 1980, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 24/5/2024, bị cáo Nông Văn G đi bộ qua nhà anh Nông Văn H1 (trú cùng thôn) thì thấy nhà không có ai, khóa cửa bên ngoài, bị cáo Nông Văn G nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên đi đến ngó qua khe cửa nhà anh H1 thì thấy trong nhà dựng một chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RSX, màu sơn đen đỏ, biển kiểm soát 12T1-167.18, có cắm chìa khóa ở ổ khóa điện (xe do chị Đàm Thị T1, vợ anh H1 đứng tên chủ sở hữu). Bị cáo Nông Văn G thấy cửa đằng sau nhà (cửa ngách) được làm bằng gỗ, chỉ cài then chốt cửa bằng gỗ, không có khóa cửa nhưng do nhà anh H1 ở cạnh đường, trời còn sáng, có nhiều người đi lại nên bị cáo Nông Văn G đi về nhà chờ thời cơ. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, trời đã tối hẳn, bị cáo Nông Văn G quay lại nhà anh H1 và vòng ra đằng sau nhà, thò ngón tay qua khe cửa ngách rút then chốt cửa, sau đó đi vào nhà và dắt trộm chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12T1-167.18 qua đường cửa ngách ra sân sau. Sau khi trộm cắp được xe môtô, bị cáo Nông Văn G điều khiển xe đi lên thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng làm bốc vác thuê. Đến ngày 04/6/2024, G mang chiếc xe mô tô trên cho cửa hàng sửa chữa xe máy của anh Bùi Xuân H, trú tại Tổ dân phố H, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng để bán. Lúc này tại cửa hàng có cả anh Trần Văn G1, trú tại Tổ dân phố H, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng, bị cáo Nông Văn G hỏi anh H "Anh có mua xe mô tô này không?" H trả lời là "Không mua đâu", thấy vậy G1 đến hỏi G là "Xe của ai, xe có giấy tờ không?" thì bị cáo Nông Văn G trả lời "Xe của em giấy tờ đã bị mất", G1 hỏi "Bán bao nhiêu?" bị cáo Nông Văn G trả lời là bán 1.500.000 đồng thì G1 đồng ý mua chiếc xe mô tô trên và làm giấy tờ mua bán xe với nhau, sau đó G1 chụp ảnh bị cáo Nông Văn G cùng ảnh căn cước công dân của G vào máy điện thoại để lưu lại. Do phần vỏ nhựa yếm xe bị nứt vỡ nên anh G1 đã thay phần nhựa vỏ yếm xe và thay vỏ yên mới tại cửa hàng sửa chữa xe máy của anh Hanh hết 1.300.000 đồng. Sau khi bán xe mô tô xong, G đón xe khách đi đến thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh để làm thuê.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 22/KL-HĐĐGTS ngày 01/7/2024, của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn, kết luận: "Giá trị xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RSX, màu sơn đen đỏ, biển kiểm soát 12T1-167.18 phần vỏ nhựa yếm xe bị nứt vỡ, cũ đã qua sử dụng định giá tại thời điểm ngày 24 tháng 5 năm 2024 có trị giá là 11.500.000 đồng".

Với nội dung vụ án như trên, tại bản Cáo trạng số 51/CT-VKSTĐ ngày 27/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nông Văn G về tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị hại chị Đàm Thị T1 trình bày tài sản bị mất trộm đã nhận lại đầy đủ. Tuy nhiên, sau khi nhận lại tài sản chị T đã sửa chữa chiếc xe hết 900.000 đồng, nay chị T yêu cầu bị cáo bồi thường cho chị T 900.000 đồng;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn G1 vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại cơ quan điều tra, anh Trần Văn G1 trình bày bị cáo Nông Văn G đã tự nguyện bồi thường cho anh số tiền 1.500.000 đồng, nên anh G1 không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nông Văn G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quán đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ; đối với yêu cầu của chị T yêu cầu bị cáo bồi thường 900.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn trong phần tranh luận, vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nông Văn G phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nông Văn G từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù; Về hình phạt bổ sung, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng: Không có; về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại đầy đủ tài sản bị mất, ghị nhận sự thỏa thuận giữa bị hại với bị cáo, cụ thể bị cáo bồi thường thêm cho bị hại số tiền 900.000 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được bồi thường số tiền 1.500.000 đồng và không có yêu cầu gì, nên không xem xét; về án phí, bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát; lời nói sau cùng bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt, xử cho bị cáo mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liến quan đến vụ án, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt anh Trần Văn G1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liến quan đến vụ án, văng anh Bùi Xuân H là người làm chứng. Tuy nhiên anh Trần Văn G1 đã có đơn xin xét xử vắng mặt, trong hồ sơ đã có đầy đủ lời khai của anh G1, anh Hanh. Xét thấy việc vắng mặt của anh G1, anh Hanh không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ các Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liến quan đến vụ án, đồng thời hoàn toàn phù hợp với biên bản thu giữ đồ vật và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 22 giờ ngày 24/5/2024, tại Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, bị cáo Nông Văn G đã có hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu sơn đen đỏ, biển kiểm soát 12T1-167.18 của chị Đàm Thị T1. Qua định giá, xe mô tô có giá trị là 11.500.000 đồng. Như vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Nông Văn G về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi đó gây mất trật tự an ninh của địa phương, gây bất bình trong dư luận xã hội, đồng thời bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động, muốn có tiền tiêu xài, phục vụ nhu cầu của bản thân nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, có 01 tiền sự, cụ thể: Ngày 13/4/2024, bị cáo Nông Văn G có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định số 71 ngày 29/5/2024 bằng hình thức cảnh cáo, tính đến ngày thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo Nông Văn G chưa đủ thời hạn để được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính đối với Quyết định này, do đó bị cáo là người có nhân thân không tốt.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản trộm cắp đã trả cho bị hại đầy đủ, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải. Bị cáo đã bồi thường lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền 1.500.000 đồng. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Từ những phân tích trên, xét thấy cần thiết phải xử phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, qua đó nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng: Ngày 22/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại cho bị hại chị Đàm Thị T1 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu sơn đen đỏ, biển kiểm soát 12T1-167.18. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Đàm Thị T1 đã nhận lại đầy đủ tài sản bị mất. Tuy nhiên tại phiên tòa chị T yêu cầu bị cáo bồi thường thêm cho chị T 900.000 đồng, số tiền này do chị sửa chữa, khắc phục lại xe. Tại phiên tòa bị cáo cũng nhất trí bồi thường thêm cho chị T số tiền 900.000 đồng. Xét thấy sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận, buộc bị cáo phải bồi thường thêm cho bị hại số tiền 900.000 đồng.

[11] Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn G1 đã được bị cáo Nông Văn G trả số tiền 1.500.000 đồng tiền mua xe, anh G1 không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[12] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[13] Về án phí: Bị cáo Nông Văn G bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, ngoài ra bị cáo còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[14] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331; Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 331; Điều 332 và Điều 333; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự;

Căn cứ các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Văn G phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nông Văn G 01 (một) năm tù, thời hạn tính từ ngày 01/7/2024.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

4. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Nông Văn G và bị hại chị Đàm Thị T1, cụ thể bị cáo Nông Văn G có trách nhiệm bồi thường thêm cho chị Đàm Thị T1 số tiền 900.000 (chín trăm nghìn) đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và chị Đàm Thị T1 có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại các Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Nông Văn G phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp Ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Tràng Định;
- Công an huyện Tràng Định;
- Chi cục THADS huyện Tràng Định;
- Bị cáo (qua nhà tạm giữ);
- Bị hại (theo địa chỉ);
- Người có QL,NVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bàn Văn Tiến